TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 481/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18/12/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990. Nơi cư trú: tổ 9, thôn 10, xã A, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ 1, thôn 10, xã A, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2018, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2009. Chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập chị gây thương tích. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Ngoài ra, bản thân anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Đinh Quang Th, sinh ngày 30/10/2011 và Đinh Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/2017. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị Đ không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 11/01/2019, chị Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của anh T cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: hôn nhân giữa chị Đ và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân thời gian dài nhưng không hàn gắn được tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy cháu Th và cháu N đang do chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc từ người mẹ, do đó để đảm bảo sự phát triển của các cháu cần giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh T là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị Đ và anh Đinh Xuân T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 08/10/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị Đ và giấy khai sinh của Đinh Quang Th và Đinh Thị Kiều N thì có đủ cơ sở xác định, các cháu là con chung của chị Đ và anh T.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng hôn nhân giữa chị Đ và anh T không hạnh phúc, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, anh chị ly thân từ tháng 7/2018 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy không thu thập được lời khai của anh T về tình trạng hôn nhân nhưng qua tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã đủ căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã thật sự trầm trọng, gay gắt, đời sống chung không tồn tại, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện 02 cháu Th và N đang do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Th đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Cháu N tuổi còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ. Chị Đ hiện có công việc, thu nhập ổn định và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng anh T không có mặt, nên không xác định được hiện tại anh T đang làm công việc gì, thu nhập như thế nào và có ý kiến gì về con chung. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì cần giao hai cháu N và cháu Th cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn chị Đ là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Nguyễn Thị Đ ly hôn Đinh Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Quang Th, sinh ngày 30/10/2011 và Đinh Thị Kiều N, sinh ngày 31/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Đinh Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí**:** Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025016 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận*
- *VKDND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu HS./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu